

Tháng đầu tiên bà A đóng 12.000.000 đồng, những tháng tiếp theo bà A đóng 10.000.000đồng/1 tháng. Bà A đóng phường thông qua chuyển khoản hoặc chuyển tiền trực tiếp cho bà C. Bà A chỉ biết bà C là chủ phường, còn các thành viên phường thì bà không biết. Đến tháng 9 năm 2022, bà Nguyễn Thị A đóng phường cho bà Nguyễn Thị C 07 tháng, tổng cộng là 72 triệu đồng. Theo quy định, khi muốn lấy phường thì bà A chỉ cần báo trước 1 tháng cho bà C. Tháng 10/2022, khi bà A cần tiền, bà A đã thông báo cho bà C, bà C thống nhất sang tháng 11 năm 2022, bà A sẽ được lấy tiền phường. Tuy nhiên, đến tháng 11 năm 2022, bà C nói có người khác lấy phường nên bà C hẹn để bà A sẽ lấy phường vào tháng 12 năm 2022. Đến tháng 12 năm 2022, bà C tiếp tục xin lùi lại thời gian trả tiền phường cho bà A vào tháng 01/2023. Tuy nhiên, đến nay bà C vẫn chưa trả bà A số tiền phường. Bà A và bà C có lập 1 văn bản do bà C tự viết thống nhất số tiền phường mà bà C còn nợ bà A là 72.000.000 đồng (tiền gốc). Việc vào việc phường không liên quan đến chồng bà A, chồng bà C, không liên quan đến ai khác, là việc giữa bà A và bà C. Nay, bà Nguyễn Thị A đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải trả bà số tiền phường gốc 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng, bà không yêu cầu lấy lãi.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị A, bà đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền phường gốc là 72.000.000 đồng. Hiện nay, bà chưa có tiền nên khi nào có tiền bà sẽ thu xếp trả dần cho bà Nguyễn Thị A. Việc vào việc không liên quan đến ai. Chồng bà là ông Trần Văn Nhẫn đã chết năm 2016.

Tại đơn đề nghị đề ngày 22/7/2023 của ông Trần Anh V – chồng bà Nguyễn Thị A xác định: Việc vào phường giữa bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị C không liên quan gì đến ông.

Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2023 tại UBND xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên xác định: Ông Trần Văn N chết ngày 22/10/2016 theo giấy trích lục khai tử số 66 ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã CM, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Phát biểu của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 163, Điều 166, Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng.

+ Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tổ tung:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về họ, hú, biêu, phường, các đương sự đều đang sinh sống tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu: Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Mặt khác, thời điểm quyền, lợi ích của bà Nguyễn Thị A bị xâm phạm là tháng 01/2023. Ngày 05 tháng 05 năm 2023, bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên. Chính vì vậy, tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị A khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A là đúng quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị A:

[3] Theo lời khai của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị A và bị đơn bà Nguyễn Thị C đều thống nhất: Vào ngày 20/3/2022, bà Nguyễn Thị A có vào phường với bà Nguyễn Thị C, mỗi tháng bà Nguyễn Thị A đóng cho bà Nguyễn Thị C 10.000.000 đồng, bà A có đóng tiền áp cái (tiền trách nhiệm) cho bà C là 2.000.000 đồng. Việc vào phường bằng miệng, không có văn bản, bà Nguyễn Thị A chỉ biết bà Nguyễn Thị C là chủ phường, không biết các thành viên khác của phường và bà

C phải có trách nhiệm trả tiền phường cho bà A khi bà A lấy phường. Bà Nguyễn Thị A đã chuyển giao số tiền phường cho bà Nguyễn Thị C là 72.000.000 đồng (bà Nguyễn Thị C có tự viết một giấy xác nhận khoản nợ tiền phường cho bà Nguyễn Thị A). Việc vào phường của bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị C là do sự tự nguyện của hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung tuân thủ đúng quy định (Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 471 của Bộ luật Dân sự) và đều được hai bên xác nhận là đúng nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị C thống nhất tháng 01/2023, bà Nguyễn Thị C trả tiền phường cho bà Nguyễn Thị A. Tuy nhiên, đến thời hạn nêu trên, bà Nguyễn Thị C không trả được tiền phường cho bà Nguyễn Thị A. Như vậy, bà Nguyễn Thị C vi phạm hợp đồng từ tháng 01/2023. Nay, bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị C thống nhất số tiền phường bà Nguyễn Thị C nợ bà Nguyễn Thị A là 72.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị C đồng ý trả và xin trả dần nhưng bà Nguyễn Thị A không đồng ý. Bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả số tiền phường gốc, không yêu cầu lấy lãi.

[5] Xét thấy, bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nghĩa vụ của chủ phường theo quy định tại Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị A, buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền phường 72.000.000 đồng. Việc bà Nguyễn Thị A không yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả nợ lãi là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $72.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị A:

1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền phưởng là 72.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.600.000 đồng. Trả lại bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008677 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, bị đơn bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Tuấn Điệp - Đỗ Thị Thanh Tú

Nguyễn Thị Thu Thủy